

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sinh Thành và ông Nguyễn Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 158/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Lan A, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 044193011629; nơi cư trú: thôn T, xã H, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; căn cước công dân số: 044093010021; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị); hiện đang cư trú tại Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai nguyên đơn - chị Nguyễn Lan A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu và yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại nhà bố mẹ anh N. Năm 2022, để cải thiện kinh tế gia đình vợ chồng thống nhất để anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu vợ chồng vẫn quan tâm liên lạc cho nhau, anh N vẫn gửi tiền về cho chị nuôi con. Nhưng một năm nay vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng thiếu niềm tin về tình cảm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sau một thời gian thấy tình cảm vợ chồng không cải thiện được nên anh chị thống nhất ly hôn. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh N.

Vợ chồng anh chị có 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/11/2017. Hiện 02 con đang sống cùng chị nên chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Yêu cầu anh N đóng góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chưa tạo lập được tài sản chung gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn - anh Nguyễn Văn N theo gia đình cung cấp thông tin thì hiện đang cư trú tại Hàn Quốc nhưng không có địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo bằng văn bản theo quy định của pháp luật đối với bị đơn - anh Nguyễn Văn N, tuy nhiên, cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ như phản hồi của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phía bị đơn không hợp tác, cố tình không cung cấp địa chỉ cư trú tại Hàn Quốc. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, thực hiện các thông báo, uỷ thác tư pháp, tổng đạt các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Lan A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; phía bị đơn - anh Nguyễn Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt; thông qua gia đình, anh N trình bày đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con chung: giao chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Ngọc Trâm A1 và Nguyễn Ngọc Anh T1; buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4 triệu đồng đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn có địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh tại xã H, tỉnh Quảng Trị trước đây là thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Theo thông tin tại Công văn số: 76/CV-QLXNC ngày 04/7/2025 của Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thì bị đơn đã xuất cảnh vào ngày 22/02/2024 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Gia đình bị đơn cung cấp thông tin bị đơn - anh Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh Nguyễn Văn N, tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của bị đơn; thông báo cho anh N biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị A1 và anh trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia - Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp (01,02,03/7/2025) nhưng đến nay vẫn không nhận được thông tin phản hồi từ anh N. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 28/7/2025, bà Phạm Thị H - mẹ đẻ của anh N trình bày anh N cũng biết việc

chị A1 xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị A1 và đề nghị Toà án sớm đưa vụ án ra xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 và khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[4] Về xem xét yêu cầu của các đương sự:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lan A và anh Nguyễn Văn N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/01/2014, vì vậy, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì anh N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, sau khi anh N sang Hàn Quốc một thời gian thì vợ chồng ít liên lạc, bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thiếu niềm tin vào nhau, không còn quan tâm và không có trách nhiệm với nhau, hiện tại anh N đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài nên tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án đến gia đình anh N biết về việc chị A ly hôn anh N; thông qua gia đình, anh N trình bày cũng biết việc chị A xin ly hôn anh và anh cũng đồng ý ly hôn với chị A. Xét thấy, giữa chị A và anh N không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều có mong muốn được ly hôn, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn với anh N là phù hợp.

[4.2] Về quan hệ con chung: Xác định giữa chị A và anh N có 02 con chung Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/11/2017, hiện 02 con đang sống cùng chị A. Chị A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và các con cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Hội đồng xét xử thấy, anh N hiện đang ở nước ngoài không trực tiếp nuôi con được, mặt khác từ lúc sinh ra cho đến nay các con ở với chị A, do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa và nguyện vọng của các con, giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi các con trưởng thành lần lượt đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Lan A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Nguyễn Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2017.

[9] Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, các Điều 153, 227, 228, 238, khoản 1 Điều 273, điều 474, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Lan A được ly hôn anh Nguyễn Văn N

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Nguyễn Lan A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 19/7/2014 và Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 04/11/2017. Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị Nguyễn Lan A mỗi tháng mỗi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 10/2025 đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền và có nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Lan A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị Lan A đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005479 ngày 18/6/2025. Chị Lan A đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Lan A phải chịu 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đ. Số tiền này chị Lan A đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Lan A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Hòa Trạch;
- THA DS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

